

Số: /STNMT-VP

Sóc Trăng, ngày tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện cải cách hành chính quý I năm 2023 và kết quả thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

I. Tình hình thực hiện nhiệm vụ CCHC:

1. Một số thông tin nổi bật, mới trong công tác chỉ đạo, điều hành về CCHC tại Sở:

Căn cứ các kế hoạch của UBND tỉnh về công tác CCHC năm 2023, Sở đã chủ động ban hành các Kế hoạch liên quan đến công tác CCHC như: Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 19/01/2023 về thực hiện cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 11/KH-STNMT ngày 01/3/2023 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2023; Kế hoạch số 02/KH-STNMT ngày 13/01/2023 về thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch số 01/STNMT-VP ngày 12/01/2023 về duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng. Trên cơ sở các Kế hoạch đã ban hành, chủ động triển khai đến các phòng, đơn vị để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng nội dung và tiến độ kế hoạch đã đề ra.

Ban hành Kế hoạch số 04/KH-STNMT ngày 03/02/2023 phát động phong trào thi đua năm 2023 với chủ đề **“Đoàn kết, chủ động, sáng tạo thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023”** và **“Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh”** và **Đợt thi đua “Chào mừng 20 năm thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng”** trong đó có phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính; củng cố và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy theo chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi pháp luật và sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về ý thức, trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân của đội ngũ công chức, viên chức; phát huy sáng kiến, sáng tạo, chỉnh đốn tác phong, lề lối làm việc; đồng thời thực hiện tốt vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị gắn với đầy mạnh **“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”**.

Ban hành 02 văn bản triển khai các nội dung, chỉ đạo liên quan đến công tác cải cách hành chính gửi các phòng, đơn vị tổ chức thực hiện.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp các sở ngành có liên quan đối với dự thảo Quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 02 Chi cục (Chi cục Bảo vệ môi trường, Chi cục Quản lý đất đai) trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng. Hiện đang tổng hợp, hoàn chỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

2. Kết quả thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh:

Trong kỳ báo cáo, công chức, viên chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện tốt các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND tỉnh, theo đó không có trường hợp nào vi phạm các nội dung chỉ thị đã đề ra.

3. Cung cấp số liệu thực tế:

Theo Phụ lục 2 đính kèm.

4. Cung cấp danh sách lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC:

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/điện thoại
1	Lãnh đạo phụ trách CCHC	Ngô Thái Chân	Giám đốc Sở	ntchan@soctrang.gov.vn 0913 983 072
2	Công chức phụ trách tham mưu CCHC	Đặng Ngọc Duy Trinh	Phó Chánh Văn phòng Sở	dndtrinh@soctrang.gov.vn 0947 826 111

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

**PHỤ LỤC 2
BẢNG 1**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2023 TẠI SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Kèm theo Báo cáo số /STNMT-VP ngày /3/2023 của Sở Tài nguyên và
Môi trường tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Sở Tài nguyên và Môi trường	
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		Kế hoạch số 03/KH-STNMT ngày 19/01/2023
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	22	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	0	Đang triển khai thực hiện kế hoạch
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	2	Công văn số 12/STNMT-VP ngày 16/02/2023; Công văn số 28/STNMT-VP ngày 08/3/2023
2	Kiểm tra CCHC			Chưa thực hiện
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC			Kế hoạch số 11/KH-STNMT ngày 01/3/2023
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	0	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài	1	

	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC của Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài	1	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	0	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0; Có = 1	0	
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0; Có = 1	0	Thực hiện vào cuối năm
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			Chưa đến thời gian thực hiện
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%		
8	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh, Chỉ thị 10 và Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	1	
9	Nhiệm vụ khác (nếu có)		0	
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã tham mưu ban hành	Văn bản	1	Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 13/02/2023 (chuyển tiếp từ năm 2022 sang)
	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng tiến độ	Văn bản	1	

	Số VBQPPL tham mưu ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản	1	
2	Rà soát VBQPPL		0	
	Số VBQPPL phải rà soát		0	
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0; Có = 1	1	Kế hoạch số 08/KH-STNMT ngày 20/02/2023
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	0	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
1	Kiểm soát TTHC	Không = 0; Có = 1	1	Kế hoạch số 02/KH-STNMT ngày 13/01/2023
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	6	Rà soát, thống kê TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	0	
3	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0; Có = 1	1	
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục	0	Chưa thực hiện
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục	0	Chưa thực hiện
	Khác	Thủ tục	0	
4	Thống kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	5	Sở Tư pháp trình công bố; được phê duyệt tại Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 28/02/2023.
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	9	Lĩnh vực giao dịch bảo đảm (Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 28/02/2023)
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	96	

	- Số TTHC áp dụng tại cơ quan, đơn vị:	Thủ tục	96	
	- Số TTHC áp dụng tại các đơn vị trực thuộc:	Thủ tục	0	
5	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến	7	
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến	7	
6	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	76	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	1	
	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	95	5 TTHC lĩnh vực giao dịch bảo đảm đang soạn thảo quy trình nội bộ
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	95	
7	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận		161	
	Số lượng hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị trả kết quả		96	
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc khối văn phòng sở	Cơ quan, đơn vị	5	
	Số tổ chức hành chính trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	2	
	Số phòng ban chuyên môn trong tổ chức hành chính trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở ngành (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số phòng ban chuyên môn trong đơn vị sự nghiệp trực thuộc (nếu có)	Cơ quan, đơn vị	33	

	Số lượng phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ phòng ban, tổ chức hành chính thuộc sở cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%		
	Số lượng đơn vị sự nghiệp cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
	Số phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm trong năm (nếu có)	Cơ quan, đơn vị		
	Tỷ lệ phòng ban trong đơn vị sự nghiệp thuộc sở được cắt giảm so với kế hoạch năm (nếu có)	%		
2	Số liệu về biên chế công chức			Quyết định số 04/QĐ-STNMT ngày 13/01/2023
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	60	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	57	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	6	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		Chưa thực hiện
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
	Tổng số người làm việc được giao	Người		
	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn (nếu có)			
	Tổng số người làm việc được duyệt	Người	353	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	271	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo cấp sở, ngành	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành	Người	30	

	Số lượng lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc	Người		
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			
	Số đơn vị hành chính cấp huyện, phòng chuyên môn cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Thanh tra chuyên ngành			Theo kế hoạch thực hiện vào Quý III năm 2023
	Số sở ngành và các đơn vị trực thuộc sở ngành đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp huyện và các đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị hành chính cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1Không = 0	1	Quyết định 1792/QĐ-UBND ngày 07/7/2022
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1Không = 0	1	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức (nếu có)		0	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		

	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc đơn vị trực thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	0	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			Kế hoạch số 303/BC-STNMT-VP ngày 15/12/2022
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	13	
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người		
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người		
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
	Số lãnh đạo cấp sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người	1	Văn phòng Sở
	Số lãnh đạo cấp phòng trong đơn vị trực thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc sở, ngành bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn			
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần			
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo			

VI	Cải cách tài chính công			
1	Sở ngành thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	4	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		4	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	4	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
4	Quy chế chi tiêu nội bộ của sở ngành đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	Quyết định số 83/QĐ-STNMT ngày 30/6/2022.
5	Số lượng đơn vị trực thuộc có Quy chế chi tiêu nội bộ đã được thẩm định và ban hành theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
VII	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Có = 1; Không = 0	0	
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	5	
1	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Tổng số văn bản đi của cơ quan, đơn vị (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn bản	1.076	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	987	

	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	1.076	
2	Vận hành kết nối liên thông với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
3	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4		87	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		1	
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC		
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	1	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	1	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	86	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	24	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC	33	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	161	
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	54	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	TTHC	52	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	52	
	Vận hành hệ thống báo cáo cấp tỉnh	Có = 1; Không = 0	1	

	Sử dụng phần mềm theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	298	
	Số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	57	
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm	3	
4	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)			
	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	16	
	Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	16	
	Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
	Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
5	Áp dụng ISO trong hoạt động			Kế hoạch số 01/KH-STNMT ngày 12/01/2023.
	Sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	Dự kiến thực hiện trong quý IV
	Sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	Dự kiến thực hiện trong quý IV
	Sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	Dự kiến thực hiện trong quý IV
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	1	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	1	
	Đơn vị trực thuộc sở ngành thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	1	

